

Bản án số: 578/2017/HS-PT
Ngày 17-10- 2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phạm Văn Công

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tiểu Phương Quyên- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:** Ông Võ Phong Lưu- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2017/TLPT-HS ngày 15 tháng 02 năm 2017, do có kháng cáo của bị cáo Trần Văn T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 02/2017/HSST ngày 05/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Văn T (Tu), sinh năm 1989; HKTT: Ấp 6, xã Ph, huyện C, tỉnh Đ; văn hóa: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Tài xế; cha: Trần Văn D, mẹ: Võ Thị Ph (đều đã chết); anh chị em ruột: Có 07 người.

- Tiền án, tiền sự: Chưa;

- Ngày 25/6/2016 Trần Văn T đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C và có quyết định tạm giữ;

- Tạm giam ngày 04/7/2016 theo Lệnh tạm giam số 79 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C; (có mặt).

* Người bị hại:

1/ Nguyễn Văn L – Sinh năm 1975; trú quán: số 55, đường Ph, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đ; (vắng mặt).

2/ Tô Thành D – Sinh năm 1979; trú quán: Tổ 5, khóm 5, Phường 7, thành phố C; (vắng mặt).

3/ Hồ Thanh T - Sinh năm 1974; trú quán: Số 220, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đ; (vắng mặt).

Ngoài ra còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

Người kháng cáo: Bị cáo Trần Văn T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T làm nghề tài xế lái xe nên thường xuyên thuê xe ô tô của các dịch vụ để chở khách kiếm lời, sau nhiều lần thuê T đều trả tiền và xe đúng hạn nên được các chủ xe tin tưởng. Đến tháng 10/2015 Trần Văn T do không có tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định thuê xe của các dịch vụ cho thuê xe rồi mang đi cầm lấy tiền trả tiền thuê xe, tiền lãi cầm xe, số còn lại tiêu xài cá nhân, khi đến hạn T tiếp tục thuê các xe khác đem cầm lấy tiền chuộc xe cũ trả cho chủ. Do tiêu xài cá nhân hết tiền dẫn đến mất khả năng trả xe lại cho các chủ sở hữu.

Để các chủ dịch vụ tin tưởng cho thuê xe ô tô, Trần Văn T nói dối là thuê xe để chạy dịch vụ như chở khách đi du lịch, đi công việc cá nhân, chở Việt Kiều về quê,... để kiếm lời, nhưng khi nhận được xe thì Trần Văn T mang đi cầm cố cho người khác để lấy tiền sử dụng cho mục đích cá nhân. Bằng thủ đoạn gian dối này, từ tháng 10/2015 đến tháng 4/2016 Trần Văn T đã thuê của 04 người tổng cộng là 06 xe ô tô rồi mang đi cầm cố ở Thành phố C, tỉnh A và ở Campuchia, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng tháng 10/2015 Trần Văn T trực tiếp gặp anh Nguyễn Văn L, ngụ tại số 55, đường Ph, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đ thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Forter, 05 chỗ ngồi, màu bạc, **biển số 66A- 00000**, do Phan Duyên Vân V là con của anh L đứng tên chủ sở hữu, với giá 600.000đ/ngày, để chạy dịch vụ, hai bên không có làm hợp đồng. Anh L giao xe cho T cùng các loại giấy tờ xe (bản photo có công chứng) như: Giấy đăng ký xe, bảo hiểm và đăng kiểm xe. Sau khi nhận xe T chạy dịch vụ được khoảng một tháng thì mang đi cầm cố cho anh Nguyễn Thành N (H) ở quận N, thành phố C với số tiền 120.000.000 đồng.

Ngày 19/7/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã thu hồi và trao trả xe này lại cho anh L, nên anh Nguyễn Thành N yêu cầu Trần Văn T trả lại số tiền cầm xe là 120.000.000 đồng.

Theo T khai: Đối với xe này T trả tiền thuê xe cho anh L khoảng 7 tháng với số tiền 130.000.000 đồng, trả lãi cầm cố xe cho anh N nhiều lần khoảng 30.000.000 đồng.

Lần 2: Khoảng tháng 01/2016 (nhằm ngày 23 Tết) Trần Văn T nhờ người bạn là Lê Minh Nh thuê của anh Nguyễn Văn L 01 xe ô tô nhãn hiệu KiaCaren, 07 chỗ ngồi, màu xám, **biển số 66A-** với giá 800.000đ/ngày. Khi nhận được xe thì T mang đến thị xã C, tỉnh A nhờ một người tên Nh1 (không rõ tên thật, địa chỉ) giới thiệu sang Campuchia cầm lấy 100.000.000 đồng. Khoảng tháng 4/2016 anh L yêu cầu trả lại xe thì T thuê xe ô tô của anh Nguyễn Thành N ở thành phố C mang đi cầm cố cho chị Nguyễn Thị Ngọc Ng lấy 200.000.000 đồng chuộc xe trả cho ông L.

Theo T khai: Tổng số tiền chuộc xe 66A- 016.38 và tiền lãi cầm xe là 128.000.000 đồng; cho Nh1 giới thiệu khi cầm xe và chuộc xe 14.400.000 đồng.

Lần 3: Ngày 20/02/2016 Trần Văn T nói dối với anh L là xe ô tô biển số 66A- 011.75 đang cho anh N Công an khu vực ở phường A, quận N, thành phố C thuê lại với giá 21.000.000đ/tháng nên hỏi anh L thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET CAPTIVA, 07 chỗ ngồi, màu ghi, **biển số 66A-**, do Dương Thị Duyên Th là vợ của anh L đứng tên chủ sở hữu, với giá 600.000đ/ngày, thời hạn thuê là từ ngày 20/02/2016 đến 20/3/2016, hai bên có làm hợp đồng. Sau khi nhận xe T mang đến dịch vụ cầm đồ H ở thị trấn C, huyện Ph, tỉnh A cầm lấy số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 17/3/2016 T thuê một xe ô tô ở thành phố C đem đi cầm lấy tiền chuộc xe này trả lại cho anh L. Khoảng 01 tuần sau thì T tiếp tục thuê lại xe ô tô này của anh L rồi mang xe đến thị xã Ch nhờ Nh1 dẫn sang Campuchia cầm lấy 5.000 USD (tương đương 111.000.000 đồng). Khi T bỏ trốn, không trả lại xe, anh L đã sang Campuchia thỏa thuận chuộc lại xe với số tiền 7.000 USD cộng với chi phí đi lại khoảng 30 triệu, tất cả chi phí chuộc xe là 170.000.000 đồng.

Theo T khai: T đã đóng tiền lãi cầm xe khoảng 800 USD = 17.000.000 đồng; cho Nh1 400 USD khoảng 8.880.000 đồng; trả tiền thuê xe cho anh L 03 tháng khoảng 45.000.000 đồng.

Lần 4: Sau khi thuê 02 xe ô tô của anh Nguyễn Văn L không trả, ngày 07/3/2016 Trần Văn T nhờ Lê Minh Nh thuê của anh Nguyễn Văn L 01 xe ô tô nhãn hiệu INOVA, 08 chỗ ngồi, màu bạc, **biển số 66A-**, do Phan Hồng D (là người quen của anh L) đứng tên chủ sở hữu, với giá 21.000.000/tháng, hai bên

không có làm hợp đồng. Ngay sau khi nhận được xe, khoảng 23 giờ cùng ngày T lái xe đến thị xã C gặp Nh1 nhờ dẫn sang Campuchia cầm lấy 9000 USD (tương đương 200.000.000 đồng). Khi T bỏ trốn không trả lại xe, thì Hồ Thanh T (chồng của D được D ủy quyền) đã sang Campuchia thỏa thuận chuộc lại xe với số tiền 12.200 USD cộng với chi phí đi lại 09 triệu đồng, tất cả là 290.000.000 đồng.

Theo T khai: T trả công cho Nh1 900 USD = 20.000.000 đồng; đóng lãi 01 lần 500 USD khoảng 11.000.000 đồng; trả tiền thuê xe cho anh L và ông T ba lần = 35.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 22/3/2016, Trần Văn T tiếp tục nói dối với anh Nguyễn Thành N, ngụ xóm 5, Phường 10, Thành phố C, tỉnh Đ thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu INOVA, 08 chỗ ngồi, màu xám, biển số 66A- với giá 600.000đ/ngày, trong thời hạn 03 tháng để chở khách Việt Kiều. Sau khi nhận được xe, khoảng 23 giờ cùng ngày T lái xe đến thị xã T. Ch nhờ người tên S giới thiệu cầm cố cho chị Nguyễn Thị Ngọc Ng, ngụ xóm L, phường L, thị xã T. Ch, tỉnh A với số tiền 200.000.000 đồng. Có được số tiền này, T cho S 10.000.000 đồng, chuộc xe ô tô biển số 66A- để trả lại cho anh L hết 128.000.000 đồng, số còn lại T tiêu xài cá nhân. Sau khi T bỏ trốn, không trả lại xe, ông N gặp chị Ng yêu cầu trả lại xe và được chị Ng đồng ý. Trong quá trình điều tra chị Ng yêu cầu Trần Văn T trả lại 200 triệu đồng tiền cầm xe.

Lần 6: Ngày 13/4/2016 Trần Văn T điện thoại nói dối với anh Nguyễn Văn L là xe ô tô biển số 031.33 T đã cho người bạn tên H thuê lại để chạy dịch vụ, còn xe ô tô biển số 018.38 thì H đã cầm cố cho người khác, và hứa với anh L là sẽ mang 02 xe này về trả cho anh L đúng hẹn. Đồng thời T hỏi thuê của anh L một xe ô tô để chạy dịch vụ, anh L tin tưởng nên gọi điện thoại cho Tô Thành D đem cho T thuê xe. Khoảng 17 giờ cùng ngày D chạy xe ô tô nhãn hiệu INOVA, 08 chỗ ngồi, màu trắng, biển số 67A- (biển số mới hiện nay là 66A-) đến thị xã T. Ch, tỉnh A giao cho T rồi lấy xe Kia Carens biển số 66A- mà T thuê của anh L trước đó mang về cho anh L. Ngay sau khi nhận được xe thì T nhờ người tên Nh1, Li (là người Việt Nam) và Đ (là người Campuchia) dẫn sang Campuchia cầm lấy 7.000 USD (tương đương 150.000.000 đồng). Khi T bỏ trốn, không trả lại xe, Tô Thành D đã sang Campuchia chuộc lại xe với số tiền 11.500 USD cộng với chi phí đi lại tất cả là 270.000.000 đồng.

Theo T khai, đã trả lãi cầm xe biển số 016.38 với số tiền 300 USD khoảng 7.000.000 đồng; trả công cho những người giới thiệu cầm xe 67A- 039.00 hết 800 USD khoảng 17.000.000 đồng.

Sau khi xác định Trần Văn T thực hiện hành vi phạm tội, ngày 25/6/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ (PC45) đã ra Quyết định khởi tố vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cùng ngày này thì Trần Văn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đầu thú.

Theo biên bản và kết luận định giá tài sản số 98/HĐ.ĐGTS ngày 19/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đ kết luận:

1/ 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Kia loại Forte 05 chỗ, màu bạc, biển số 66A- đã qua sử dụng, trị giá 360.000.000 đồng;

2/ 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET loại CAPTIVA 07 chỗ, màu ghi, biển số 66A- đã qua sử dụng, trị giá 380.000.000 đồng;

3/ 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA loại INOVA 08 chỗ, màu bạc, biển số 66A- (biển số cũ 67A-) đã qua sử dụng, trị giá 600.000.000 đồng;

4/ 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA loại INOVA 08 chỗ, màu bạc, biển số 66A- đã qua sử dụng, trị giá 720.000.000 đồng;

5/ 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA loại INOVA 08 chỗ, màu ghi bạc, biển số 66A- đã qua sử dụng, trị giá 420.000.000 đồng;

Tổng giá trị 05 xe là 2.480.000.000 đồng

Như vậy, từ tháng 10/2015 đến tháng 4/2016 Trần Văn T đã thuê 06 xe ô tô của 04 người bị hại trên địa bàn tỉnh Đ (trong đó có 01 xe T đã chuộc trả lại cho bị hại) còn lại 05 xe có tổng trị giá **2.480.000.000 đồng** T mang đi cầm cố ở Thành phố C, tỉnh A và Campuchia được 320.000.000 đồng và 21.000 USD (tương đương 466.200.000 đồng), tổng cộng là 786.200.000 đồng. Số tiền này T khai sử dụng vào việc trả tiền thuê xe khoảng 297.000.000 đồng, trả tiền lãi cầm xe khoảng 98.000.000 đồng, cho những người giới thiệu cầm xe khoảng 80.400.000 đồng, số còn lại T tiêu xài cá nhân.

Ngoài 06 lần thuê xe ô tô của 04 người như đã nêu trên, Trần Văn T còn 03 lần thuê xe ô tô của những người bị hại trên địa bàn thành phố C mang sang Campuchia cầm cố lấy tiền rồi bỏ trốn. Đối với 03 xe ô tô mà Trần Văn T chiếm đoạt trên địa bàn thành phố C đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành

phố C thụ lý giải quyết theo thẩm quyền, nên không đề cập giải quyết trong vụ này.

Đối với người tên Nh1 (Lý Văn Nh) đã có xác minh nhưng không có mặt tại địa phương nên không làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau, nếu có đủ căn cứ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2017/HSST ngày 05/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn UT 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/6/2016.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 608, 305 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Trần Văn UT bồi thường cho những người như sau:

- | | |
|--------------------------------|-------------------|
| 1/ Nguyễn Văn L, số tiền | 170.000.000 đồng. |
| 2/ Tô Thành D, số tiền | 270.000.000 đồng. |
| 3/ Hồ Thanh T, số tiền | 290.000.000 đồng. |
| 4/ Nguyễn Thành N (H) số tiền | 120.000.000 đồng |
| 5/ Nguyễn Thị Ngọc Ng, số tiền | 200.000.000 đồng. |

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 11/01/2017, Trần Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đề nghị nhập vụ án này với vụ án bị cáo bị khởi tố về tội lừa đảo chiếm đoạt các xe ô tô ở TP. C, đề nghị xem lại số tiền mà các bị hại khai chuộc 3 xe ở Campuchia.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo xác định chỉ yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem lại số tiền các bị hại chuộc xe ở Campuchia, không yêu cầu kháng cáo về việc đề nghị nhập vụ án, bị cáo không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người đúng tội, cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết

giảm nhẹ khi lượng hình, mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới theo quy định của pháp luật. Về số tiền chuộc xe bị cáo cầm cố ở Campuchia, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thống nhất và chấp nhận bồi thường cho các bị hại theo số tiền chuộc xe mà các bị hại đưa ra. Vì vậy, số tiền mà cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Về tội danh đối với bị cáo là đúng, tuy nhiên mức hình phạt là quá nghiêm khắc. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có tham gia quân ngũ, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Về tố tụng thì quá trình điều tra và xét xử cấp sơ thẩm không cho bị cáo mời Luật sư là có vi phạm. Tuy nhiên đề nghị sửa án, giảm một phần hình phạt cho bị cáo, không hủy án do việc cấp sơ thẩm không mời luật sư bào chữa cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý với ý kiến của Luật sư, không tranh luận gì thêm, chỉ xin sửa án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư, lời khai của bị cáo tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã quy kết bị cáo. Căn cứ vào lời khai của bị cáo, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị hại có đủ căn cứ kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân và có tiền để chuộc các xe ô tô mà bị cáo đã cầm trước, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối là thuê xe ô tô với mục đích mang đi cầm cố lấy tiền. Bị cáo nói với các chủ dịch vụ cho thuê xe ô tô hoặc nói với người mà bị cáo nhờ thuê xe ô tô giúp là bị cáo thuê xe ô tô để bị cáo chạy dịch vụ như chở khách đi du lịch, đi công việc cá nhân, chở Việt Kiều về quê vv... Nhưng khi nhận được xe thì bị cáo mang xe thuê được đi cầm cố cho người khác để chiếm đoạt. Bị cáo sử dụng tiền cầm xe vào việc trả tiền thuê xe khác và tiêu xài cá nhân. Bị cáo cầm xe tại Việt Nam và đưa xe ô tô qua Campuchia để cầm xe sau đó bỏ trốn. Bằng thủ đoạn trên thời gian từ tháng 10/2015 đến tháng 4/2016 bị cáo Trần Văn T đã chiếm đoạt 05 chiếc xe ô tô

của 04 người bị hại, tổng trị giá tài sản là **2.480.000.000 đồng**, số tiền bị cáo nhận được từ việc cầm xe là **786.200.000 đồng**.

Từ đó có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 139 Bộ luật hình sự.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, số lượng tài sản bị cáo chiếm đoạt lớn, chiếm đoạt 5 chiếc xe ô tô trong thời gian 6 tháng. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an xã hội. Hậu quả mà bị cáo gây ra cho người bị hại đến nay cũng không có khả năng để khắc phục về dân sự số tiền 1.050.000.000đ. Do đó cần có một mức hình phạt nghiêm minh, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có thể cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phục vụ công tác đấu tranh, phòng ngừa chung.

Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ theo quy định pháp luật cho bị cáo khi lượng hình. Mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Đối với kháng cáo yêu cầu xem xét lại số tiền mà các bị hại chuộc 3 xe ô tô ở Campuchia: Xét thấy, do các bị hại phải sang Campuchia chuộc xe nên không có hóa đơn chứng từ gì. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và các bị hại đã thống nhất về số tiền chuộc 3 xe ô tô tại Campuchia và bị cáo đã đồng ý bồi thường cho các bị hại theo số tiền chuộc xe bị hại đưa ra nên cấp sơ thẩm ghi nhận theo nội dung thỏa thuận của các bên. Mặt khác, xét số tiền bị cáo cầm xe và số tiền chuộc xe (trong đó có cả tiền lãi phải trả cho người bên Campuchia nhận cầm xe) cộng với các chi phí cho người dẫn đường, chi phí đi lại thì số tiền bị hại đưa ra là phù hợp với thực tế. Do đó không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị cáo.

Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Văn T, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm số 02/2017/HSST ngày 05/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ như sau:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T (Tu) phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T (Tu) 16 (mười sáu) năm tù. Tổng hợp hình phạt 13 (mười ba) năm tù tại bản án số 332/2017/HSPT ngày 29/6/2017 của Tòa án nhân dân c, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là 29 (hai chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/6/2016.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 608, 305 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Trần Văn T bồi thường cho những người như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------------|
| 1/ Nguyễn Văn L, số tiền | 170.000.000 đồng. |
| 2/ Tô Thành D, số tiền | 270.000.000 đồng. |
| 3/ Hồ Thanh T, số tiền | 290.000.000 đồng. |

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền trên (tính theo tiền đồng Việt Nam), thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm tương ứng với từng thời gian chưa thi hành án.

2- Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 43.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị và hội đồng xét xử không xem xét phần này.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án là ngày 17/10/2017.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Tú Oanh

Phạm Văn Công

Nguyễn Văn Hùng

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Công an tỉnh Đồng Tháp;
- **Trại tạm giam Công an** tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu (DTTP 15)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hùng